

Số: 318/2025/QĐST-LĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Võ Thị Thu Thảo

Thư ký phiên họp: Ông Trần Hồng Sơn – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà **Nguyễn Ngọc Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 440/2025/LĐ-ST ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 281/2025/QĐST-LĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Đậu Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: thôn C, phường H, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên hệ: B khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phạm Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: thôn C, phường H, tỉnh Nghệ An, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: số E, Xa lộ X, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở D; địa chỉ: Đường T, khu T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Đậu Thị T trình bày:* Khoảng tháng 11 năm 2025, bà Đậu Thị T đi làm thủ tục tại Bảo hiểm xã hội thì được biết bảo hiểm xã hội của bà T bị trùng trong khoảng thời gian từ **tháng 10 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013**. Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do vào khoảng tháng 10 năm 2011 bà Đậu Thị T có cho bà Phạm Thị

H mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ, quá trình làm việc bà Phạm Thị H được Công ty Cổ phần Đ tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là **7411281649**. Vì thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho bà Phạm Thị H mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ là không vi phạm gì và chỉ mong muốn cho bà Phạm Thị H có công việc để trang trải cuộc sống. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đậu Thị T với Công ty Cổ phần Đ là vô hiệu, bà Đậu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày:* Bà và bà T có mối quan hệ chị em họ. Khoảng tháng 10 năm 2011, do bà chưa đủ tuổi lao động nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà T để xin vào làm việc tại Công ty Cổ phần Đ và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10 năm 2011 đến tháng 02 năm 2013 với số sổ bảo hiểm xã hội là **7411281649**. Nay bà Phạm Thị H thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà T và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đậu Thị T với Công ty Cổ phần Đ là vô hiệu. Sau khi kết thúc hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ thì bà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm gì, bà cũng không yêu cầu gì liên quan đến bảo hiểm trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T, bà Phạm Thị H không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- *Công ty Cổ phần Đ trình bày:* Yêu cầu Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của bà Đậu Thị T. Các chế độ của bà Đậu Thị T sau khi nghỉ việc Công ty đã giải quyết chế độ đầy đủ cho bà T. Việc bà T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Đậu Thị T với Công ty Cổ phần Đ thì Công ty đồng ý với yêu cầu của bà T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D (viết tắt là BHXH) trình bày:* Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần Đ cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho Bà Đậu Thị T sinh năm 1992 số CCCD 040192024766, với mã số BHXH 7411281649 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 10/2011 đến tháng 02/2013 đã chốt sổ và chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Qua kiểm tra dữ liệu, Bà Đậu Thị T còn có mã số BHXH 0112016578 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 03/2012 đến tháng 09/2012 tại Công ty TNHH C. Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa Bà Đậu Thị T và Công ty Cổ phần Đ, đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố Căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Công ty Cổ phần Đ có giao kết lại hợp đồng lao động với người mượn hồ sơ hay không? Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của Bà Đậu Thị T, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của Bà Đậu Thị T BHXH không có ý kiến.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Đậu Thị T là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Đậu Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H; Bảo hiểm xã hội cơ sở D và Công ty Cổ phần Đ đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian tháng 10/2011, người lao động tên Đậu Thị T giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ và được Công ty Cổ phần Đ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là **7411281649**. Tuy nhiên, bà T và bà H đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ và thực tế làm việc tại Công ty T1 khoảng thời gian từ tháng 10/2011 đến tháng 02/2013 là bà Phạm Thị H (do bà Đậu Thị T cho bà H mượn chứng minh nhân dân).

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà T, bà H phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở D. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian tháng 3/2012 đến tháng 09/2012, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ là bà Phạm Thị H, không phải là bà Đậu Thị T. Từ đó, dẫn đến sự trùng lặp về khoảng thời gian tham gia bảo hiểm của bà Đậu Thị T vào khoảng thời gian từ tháng 10/2011 đến tháng 02/2013 giữa hợp đồng lao động được ký kết bởi bà Đậu Thị T (do bà Phạm Thị H là người trực tiếp ký kết) với Công ty Cổ phần Đ.

Theo Điều 9 của Bộ luật Lao Động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, năm 2006 và năm 2007 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: *“Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực”*. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: *“Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”* và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: *“Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”*. Theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật dân sự 2005, thì giao dịch dân sự sẽ bị vô hiệu và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: *“Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này”*. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L thì: *“...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định*

tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...”. Do đó, có cơ sở xác định việc bà Phạm Thị H mượn hồ sơ cá nhân của bà Đậu Thị T để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH là 7411281649 vào khoảng thời gian từ tháng 10/2011 đến tháng 02/2013 tại Công ty Cổ phần Đ là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Đậu Thị T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đậu Thị T với Công ty Cổ phần Đ theo sổ bảo hiểm xã hội số **7411281649** là vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*,” chấp nhận yêu cầu của bà Đậu Thị T và ý kiến của bà về việc xác định người lao động tại Công ty Cổ phần Đ trong giai đoạn tháng 10/2011 đến tháng 02/2013 là bà Phạm Thị H, không phải là bà Đậu Thị T. Bà Đậu Thị T và bà Phạm Thị H có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số **7411281649**.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: bà Đậu Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 127, 132 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, năm 2006 và năm 2007;

- Căn cứ khoản 2 Điều 19; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Đậu Thị T.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đậu Thị T với Công ty Cổ phần Đ (theo sổ bảo hiểm xã hội số **7411281649**) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số **7411281649** không phải là bà Đậu Thị T, sinh năm 1992, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số 040192024766. Bà Đậu Thị T và bà Phạm Thị H được quyền liên hệ với C1 có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số **7411281649**.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Đậu Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0044757** ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Võ Thị Thu Thảo